TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 11 - 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Nga;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thuỷ;

Bà Đinh Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Đức Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2024/TLST - HNGĐ ngày 02/8/2024 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử vụ án số 125/2024/TB-TA ngày 05/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1995; Nơi đăng ký HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1996; Nơi đăng ký HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Hiện cư trú tại: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 7 năm 2024 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:

Anh với chị Đặng Thị H đã đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K trên tinh thần cả hai bên cùng tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại thôn V, xã Đ, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt không thể chung sống hòa hợp. Khi mâu thuẫn, anh chị xảy ra cãi cọ với nhau thường

xuyên, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, việc mâu thuẫn ảnh hưởng nghiêm trọng tới tâm lý, cuộc sống của vợ chồng và cả gia đình. Mặc dù anh chị đã ngồi lại nói chuyện và gia đình cũng động viên, khuyên bảo để hàn gắn nhưng nhận thấy không thể hòa hợp và không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Từ khoảng cuối năm 2019 anh đi lao động tại Đài Loan. Đến năm 2022 chị H cũng lao động tại Nhật Bản. Từ đó vợ chồng không gặp gỡ nhau lần nào. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong suốt thời gian dài chung sống với nhau, anh và chị H không có con chung, không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng canh tác: Anh và chị H không có tài sản gì chung, không liên quan với nhau về công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình và đất ruộng canh tác. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp, đất ruộng canh tác.

Trong quá trình tham gia tố tụng, thông qua người thân, bị đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Chị thống nhất với lời khai của anh Phạm Minh T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung của vợ chồng. Chị xác định chị với anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt không thể chung sống hòa hợp. Khi mâu thuẫn, chúng tôi xảy ra cãi cọ với nhau thường xuyên, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, việc mâu thuẫn ảnh hưởng nghiêm trọng tới tâm lý, cuộc sống của 2 chúng tôi và cả gia đình. Từ khoảng cuối năm 2019 anh T đi lao động tại Đài Loan. Đến năm 2022 chị cũng đi lao động tại Nhật Bản. Từ đó vợ chồng không gặp gỡ nhau lần nào. Đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T làm đơn xin ly hôn, chị cũng nhất trí ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp.

Do chị không không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng tại Toà án được. Do đó chị đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Chị uỷ quyền cho chị gái là Đặng Thị Lan A nhận toàn bộ các văn bản tố tụng, bản án của Toà án.

Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp: Anh Phạm Minh T và chị Đặng Thị H đăng ký ngày 21/10/2014 tại UBND xã Đ, huyện K. Việc kết hôn của anh chị được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của pháp luật, anh chị không thuộc trường hợp cấm đăng ký kết hôn. Anh T và chị H chưa có con chung.

Cục Q - Bộ C cung cấp: Chị Đặng Thị H sinh ngày 13/6/1996 xuất cảnh lần gần nhất ngày 24/4/2022, hiện tại chưa có thông tin nhập cảnh. Anh Phạm Minh T nhập cảnh ngày 29/6/2024.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt. Chủ tọa phiên toà công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H. Về các vấn đề khác anh T và chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Phạm Minh T và bị đơn chị Đặng Thị H đều có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, hiện chị H đang lao động và sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T và chị Đặng Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2014 tại UBND xã Đ, huyện K, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống,

giữa anh T với chị H đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, không hợp nhau. Anh T và chị H đều đi lao động tại nước ngoài nhiều năm nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Nay cả hai anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau, mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn. Anh T xin ly hôn chị H, chị H đồng ý ly hôn với anh T. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T với chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh T và chị Đặng Thị H.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H đều xác nhận vợ chồng chưa có con chung, không nhận con nuôi. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh Phạm Minh T và chị Đặng Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Anh T và chị H thuận tình ly hôn và thống nhất thoả thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án nên anh T, chị H phải chịu 150.000đồng, mỗi người 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T tự nguyện nộp cả án phí số tiền là 150.000 đồng, không yêu cầu chị H phải nộp. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh Phạm Minh T.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Minh T và chị Đặng Thị H.

2. Về con chung: Anh Phạm Minh T và chị Đặng Thị H đều xác định chưa có con chung, không nhận con nuôi, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất: Anh T, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Minh T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000001 ngày 02/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả anh T số tiền 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án nêu trên. Anh Phạm Minh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị Đặng Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã Đồng Thanh, huyện Kim Động;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga